

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghiệm.

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình N, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị N có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim B, chị Đỗ Thị Thu N trình bày:**

Trước đây, ông N có đến đại lý bán vật tư nông nghiệp Kim B do bà B làm chủ để mua phân bón thuốc trừ sâu, anh N có viết biên nhận để xác nhận nợ số tiền 23.779.000 đồng và hẹn đến ngày 30/5/2019 âm lịch sẽ trả cho bà B, đến ngày 03/7/2019 anh N trả 10.000.000 đồng, ngày 24/6/2020 anh N trả 1.000.000 đồng, số nợ còn lại là 12.779.000 đồng, bà B có đến nhà nhắc nhở nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ nhưng anh N chỉ hứa hẹn và không thực hiện. Nay bà B yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 12.779.000 đồng,

yêu cầu tính lãi từ ngày 02/7/2019 (tức ngày 30/5/2019 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2022, lãi suất 0.83%/tháng. Ngoài ra, không trình bày và yêu cầu gì khác.

* **Bị đơn anh Võ Thanh N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, chị Đỗ Thị Thu N là đại diện theo ủy quyền của bà B có đơn xin vắng mặt, anh Võ Thanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: bà B yêu cầu anh N trả số tiền vốn mua bán còn nợ là 12.779.000 đồng và tính lãi suất từ ngày ngày 02/7/2019 (tức ngày 30/5/2019 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2022, lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết Giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ mà bà B giao nộp cho Tòa án cho anh N biết, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà B. Đồng thời, bà B có cung cấp bản chính Biên nhận nợ tiền, nội dung như sau “*Võ Thanh N hẹn tới 30 âm lịch tháng 5 năm 2019 sẽ trả số tiền là 23.779.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn đồng) số tiền mua phân*” có anh N ký xác nhận và ghi rõ họ tên. Sau đó, anh N có trả được cho bà B số tiền 11.000.000 đồng, hiện nay anh N còn nợ bà B số tiền 12.779.000 đồng. Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ anh N đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của bà B. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu anh N có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

- Về lãi suất: Bà B yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 12.779.000 đồng, tính từ ngày 02/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022 (38 tháng 27 ngày) là có cơ sở. Bởi lẽ, anh N vi phạm thời gian trả tiền, nên phải chịu trả tiền lãi. Bà B yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; nên chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 12.779.000 đồng x 0,83%/tháng x 38 tháng 27 ngày = 4.126.000 đồng.

Thời hạn trả nợ: Bà B yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà B được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.
 - Điều 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim B.
 Buộc anh Võ Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim B số tiền 16.905.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 12.779.000 đồng và lãi suất là 4.126.000 đồng).

2. Về án phí:

+ Anh N phải chịu 845.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 + Hoàn lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí 414.925 đồng theo biên lai số 0006263 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kiều Oanh